

Trần Hoài Thư, **Viết Dưới Trời Khói Lửa**

Vương Trùng Dương

Nhà văn, nhà báo Trần Hoài Thư được nhiều người viết và phỏng vấn vì anh chân tình trải lòng cùng bạn bè, người duy nhất ở hải ngoại làm sống lại văn học miền Nam và ấn hành những tác phẩm ở quê nhà bị bỏ quên theo năm tháng và không được xuất bản. Trong thời chiến, anh là cây cây bút duy nhất tham chiến tại mặt trận, ghi lại nhiều nhất những điều của người trong cuộc “Tôi là một tác giả viết văn làm thơ theo đôi giày trận. Nổi trôi từ Trường Sơn xuống tận đầm lầy Đồng Tháp Mười. Tôi nhìn bản thân mình, lấy kinh nghiệm của chính mình để mà thông cảm cùng những người cùng mang giòng máu như tôi...”

Tôi là nhà văn sống và viết. Tôi tìm chất liệu ở con người thật của tôi. Tôi sống và viết bằng con người thật của tôi... Khi tôi ở trong quân đội, tôi viết về người lính, khi tôi đào ngũ, tôi viết về kẻ đào ngũ, khi tôi trở lại đơn vị bị giáng lon, thì viết về tâm trạng của người lao công chiến trường... Khi tôi bị thương nằm trong Quân Y Viện tôi viết về tâm trạng người thương binh, khi tôi ở trong trại khổ sai, tôi viết về sự thật cảnh tôi vồ chụp lấy thau cơm nhão nhạt chua lè dành cho chó ăn ở bên hiên một doanh trại bộ đội Bắc Việt vì quá đói...”

Những bài thơ của anh trong thời khói lửa vẽ lên bức tranh thân phận người lính trong thời chiến.

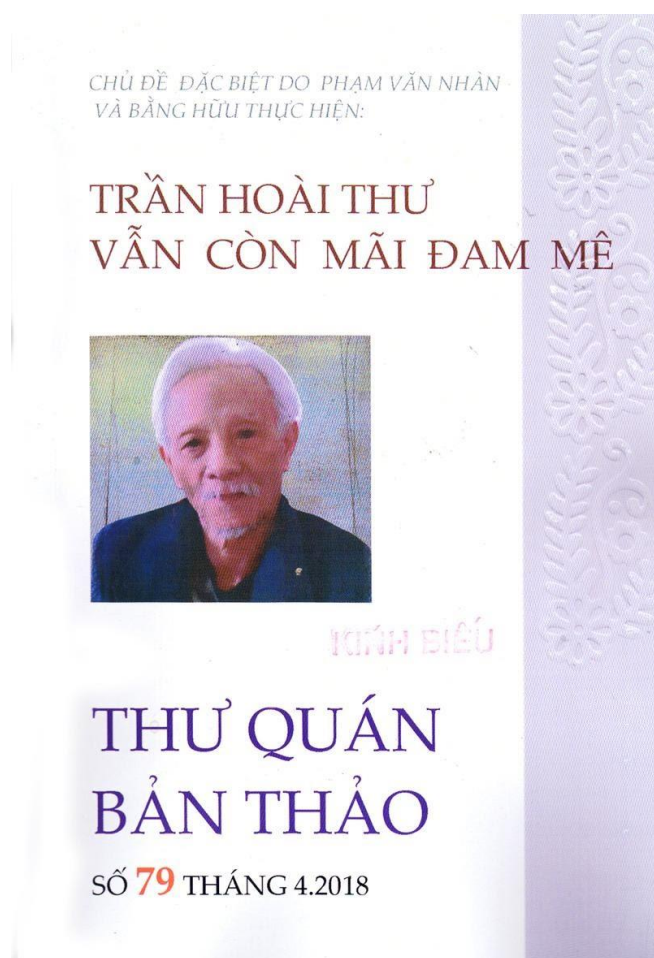
Cả một đời, THT sống chân tình và trải lòng với đồng đội, bằng hữu và đồng nghiệp, vì vậy anh được nhiều người đề cập đến qua các bài viết, phỏng vấn từ trước năm 1975 đến nay.

Nhận được Thư Quán Bản Thảo số 79, tháng 4 năm 2018. Trong mười bảy năm qua (TQBT 2001-2018) đây là số duy nhất do Phạm Văn Nhân và bằng hữu thực hiện, anh “không được phép” viết và xem nội dung, chỉ lo việc ấn hành. TQBT số 79 dày 288 trang, gồm hai phần: Những truyện của THT trước năm 1975 (trang 7 -156) và những người viết về THT (157-266).

Với tôi, trong hai bài viết trước đây, bài “Trần Hoài Thư, Cây Sậy Giữa Đời” vì dáng dấp anh như cây sậy, làm lính chiến sống cùng cỏ lau. Con người với Blaise Pascal chỉ là “cây sậy có tư tưởng” nhưng với THT là cây sậy trên trận mạc, chứng nhân lịch sử trong thơ văn. Và, “Trần Hoài Thư & Thủ Đức Gọi Ta Về”... Tôi đã viết về cuối năm 1966, Khóa I Nguyễn Trãi của Trường ĐH. CTCT gửi học giai đoạn I cùng với khóa 24 ở Trường Bộ Binh Thủ Đức, ở trong Ban Biên Tập SVSQ liên khóa 23 & 24 cùng với Trần Hoài Thư (Trong bài viết của Luân Hoán “Những Ngày Đầu Quân

& Thời Ở KBC 4100” ghi rõ từng người, và các bài viết của THT cũng đề cập đến tháng ngày ở KBC 4100). Trong phần kết đã viết về THT:

“Là giáo sư, nhà văn, nhà thơ, gầy gò, cận thị... nhưng khi ra trường BB Thủ Đức lại về đơn vị tác chiến trong cương vị Trung Đội Trưởng của Đại Đội Thám Kịch 405, Sư Đoàn 22 BB. Trần Hoài Thu đã 3 lần bị thương ngoài mặt trận... Trần Hoài Thu giữ chức vụ Trung Đội Trưởng Thám Kịch trong thời gian gần 4 năm từ khi ra trường vào 8/1966 đến tháng 6/1970, hai lần bị thương, lần thứ ba thấy bản thân như sợi chỉ treo mảnh nên bỏ đơn vị, sống lang bạt, bụi đời với các bạn văn nghệ, bị bắt làm lao công đào binh”.



“Thôi già từ những ngày tháng lông bông
Những cốc rượu đêm không bao giờ hết
Những bữa đói, bữa no, mà vui như tết
Những ngày hồng, ngày xám cũng chia tay
Thôi già từ lũ bạn chiều nay
Tự nguyện ra tòa ký vào bản án
Giã từ nhé, môi son và má phấn
Những vỉa hè, những đường phố lê la”
(Huy Chương)

Mấy câu trong Lính Tiền Phương của THT là thực trạng ư? Ngậm ngùi và xót xa:

“Khi ra trận ta là thằng chết trước
Tổ quốc ghi ơn, lãnh tụ đẹp lòng”

Trong bài viết của Tình Bạn của Phạm Văn Nhân: “... Tôi đưa Thư ra Nha Trang trình diện nơi Quân Vụ Thị Trấn (đồn Quân Cảnh). Ra tòa án binh. Giáng cấp. Rồi đến Đơn Vị 2 Quản Trị, đóng ở Diên Khánh, Nha Trang. Và từ đây, Trần Hoài Thư nhận sự vụ lệnh lên Sư Đoàn 23 BB trên Ban Mê Thuột. Tôi nói với Thư: tránh vỏ dừa lại gập vỏ dừa. Ngày tiễn Thư lên Ban Mê Thuột tại bến xe Nguyễn Hoàng, Nha Trang, tôi cởi chiếc jacket cho Thư mặc. Và có thêm hai người bạn tiễn Thư lên đường là nhà văn Nguyễn Âu Hồng (ở Mỹ) và nhà thơ Nguyễn Sa Mạc (còn ở VN). Và cũng từ ngày hôm đó, tôi xa Trần Hoài Thư!”

Thế nhưng anh không oán hận. Người lính vừa đánh giặc vừa cầm bút, “Cảm thấy mình thật hãnh diện, bởi vì tôi nguyên một giáo sư đệ nhị cấp, với đôi mắt cận 7 độ, gầy như que củi, từng được hoãn dịch vì lý do sức khỏe, lại có mặt tại một đơn vị đã từng tạo nên một thành tích kỷ lục có một không hai trong QLVNCH. Khó có một ai trong bất cứ đơn vị nào được Tướng Đỗ Cao Trí thăng cấp hai lần trong vòng hai tháng ngay tại mặt trận.” (Về Một Đại Đội Cũ). Và “Từ 405, tôi cũng đã mang 9 tác phẩm văn học đến cùng đọc giả”. Thật là “Đại Đội 405 là một dấu ấn đậm sâu vào tâm trí của một người lính cũ”...

“Chưa có một đội quân nào trên thế giới này, thua trận, nhưng lại tự hào cùng hàng ngũ, cùng màu cờ sắc áo như quân đội miền Nam này. Không phải một ngày, một tháng, mà cả đời. Chỉ có những kẻ trong cuộc mới hiểu và thấm thía được nỗi tự hào.. Và đó là lý do cắt nghĩa tại sao tôi lại phải viết hoài, viết không mệt về màu áo cũ của mình” (Sđd).

“Chiếc bè đã đưa tôi vào dòng văn chương không phải đẹp và dịu dàng như một giấc mơ. Mà trái lại, văn chương bấy giờ là văn chương của lửa, lệ, và những gào thét, tra vấn, tử sinh. Văn chương bấy giờ là những ngày đêm trong lòng hỏa ngục, là những vết thương tóe máu đốn đau, là tiếng kêu trầm thống của một thế hệ mà, nói theo Tolstoi, chỉ những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến, còn phần chết thì dành cho bọn thanh niên... Chất liệu văn chương của chúng tôi không phải là từ đơn đặt hàng của chế độ, hay những món hàng làm dáng du nhập từ ngoại quốc mà là sự thật bằng trái phá, bằng mồ mả oan khiên, bằng những người như chúng tôi bị nướng thiêu trong lò lửa chiến tranh.” (Về Những Trang Sách Cũ, trang 16 & 17)...

Ngoài các bài thơ tỏ bày cuộc sống người lính chiến, trở lại tác phẩm Thủ Đức Gọi Ta Về của Trần Hoài Thư để cảm nhận tấm lòng của anh với ngày tháng quân trường.

Tuổi thơ của THT không được may mắn “Ra đời tại Đà Lạt vào ngày 16 tháng 12 năm 1942, thất lạc cha ngay khi còn quá nhỏ, theo mẹ đến thành

phổ biến Nha Trang sống suốt thời thơ ấu rất đói cơ cực và hẩm hiu. Thời thơ ấu, từng bán hàng rong ở các bến xe ở Nha Trang, và từng đi bộ mỗi ngày khoảng 20 cây số để đi đến trường. Học trường Sinh Trung, Nam Tiểu Học Nha Trang và cuối cùng là trường Cô Nhi Viện Bết Lê Hem, Hòn Chồng, trước khi ra Huế gặp lại thân phụ từ Bắc di cư vào”.

Chỉ có thời gian yên lành trong thời trai trẻ “Ở Huế, theo học tại Quốc Học, Đại Học Huế, rồi trở vào Nam với Đại Học Khoa Học Sài Gòn. Không tốt nghiệp sư phạm, nhưng có duyên với bảng đen, phấn trắng, Trần Hoài Thư trở thành ông thầy dạy trung học và hành nghề tại trường Trần Cao Vân ở thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, trong các niên khóa từ 1964 đến 1966”. (THT Trò Chuyện Với Nguyễn Thị Hải Hà).

Cuộc đời quân ngũ của anh quá bầm dập, bị cận thị nặng, đứng ra anh được miễn dịch, là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ thông thường vào ngành Chiến Tranh Chính Trị nhưng lại ra đơn vị nguy hiểm nhất của Sư Đoàn bộ binh vì mãi mê làm báo chí ở quân trường, được giải thưởng “Sinh Viên Sĩ Quan báo chí xuất sắc. Kèm theo phần thưởng tinh thần này là một quà tặng rất thích hợp cho một nhà văn: một cặp bút Pilot mới cấu trong hộp cứng”, nên cuối khóa đầu chót trong “bảng phong thần” vì vậy khi chọn đơn vị phải chấp nhận số phận hẩm hiu.

Bởi cái tội đam mê báo chí đó nên khi ở quân trường bỏ bê mấy môn học quân sự, bốc thăm chót bảng nhưng:

“Khóa của ta

Trên mấy trăm thằng tình nguyện

Đi Nhảy Dù, Thủy Bộ, Thám Báo ‘ác ôn’

Đứng đợi cả ngày để bốc lá thăm

Toàn thứ dữ mà vui như chợ Tết”

(Ta Lính Miền Nam)

Năm 1971, được chuyển về miền Tây, phục vụ trong Khối Chiến Tranh Chính Trị của Quân Đoàn IV, làm phóng viên chiến trường cho đến ngày tan hàng. Đây cũng là cơ hội với “Những chuyến đi vào trận mạc, với máy ảnh và cây viết. Tôi đã viết nhiều truyện lấy từ chất liệu sống này” (THT). Và, nơi này anh gặp chị Nguyễn Ngọc Yến, người bạn đời đã sát cánh bên anh để thực hiện các tác phẩm của Thư Ân Quán và tạp chí Thư Quán Bản Thảo cho đến khi lâm trọng bệnh, ngồi xe lăn, qua bao năm anh, con người lẳng tử chấm dứt để tận tình chăm sóc hiền thê.

Trần Quý Sách, Trần Hoài Thư gắn liền với cái tâm con người yêu chữ nghĩa. Trước năm 1975, ngay cả những truyện ngắn của anh khi đăng báo cũng bị kiểm duyệt cắt bỏ vì vậy khi ra hải ngoại, anh thực hiện Thư Ân Quán để làm sống lại những gì đã mất “Đối với tôi, những tác giả trong thời chiến là thiệt thòi nhất. Họ phải ra trận, vừa đánh giặc vừa viết, không có cơ hội để xuất bản. Sau năm 75 không ai đếm xỉa đến văn chương của họ. Tôi muốn lấy lại danh dự cho họ”. Và, theo Như Không “Trần Hoài

Thư như đã trở thành một chiếc cầu nối cho những độc giả và những người làm văn nghệ nổi tiếng một thời mà sau 75 họ không còn tác phẩm nào được tái bản hoặc xuất bản vì nhiều lý do, trong đó lớn nhất là vấn đề do chính trị”.

Với tấm lòng của THT như vậy nên những gì đã viết về anh không có ý “áo thụng vái nhau” mà trân quý đáp lại lòng nhiệt huyết của cây bút sống thực, sống trọn tình trọn nghĩa trong tình chiến hữu và bạn bè với nhau.

Tác phẩm của Trần Hoài Thư đã xuất bản:

Trước 1975: Nỗi Bơ Vơ Của Bà Ngựa Hoang (tập truyện, 1968), Những Vì Sao Vĩnh Biệt (tập truyện, 1970), Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi (tập truyện,), Một Nơi Nào Để Nhớ (tùy bút, 1974)

Sau 1975: Ra Biển Gọi Thắm (tập truyện, 1995), Ban Mê Thuột, Ngày Đầu Ngày Cuối (tập truyện, 1997), Về Hướng Mặt Trời Lặn (tập truyện, 1998), Thơ Trần Hoài Thư, Mặc Niệm Chiến Tranh (tập truyện), Thủ Đức Gọi Ta Về (hồi ức), Đại Đội Cũ & Trang Sách Cũ (hồi ức), Đánh Giặc Ở Bình Định (hồi ức), Đêm Rừng Tràm (tập truyện), Thế Hệ Chiến Tranh (tập truyện), Hành Trình Của Một Cổ Trắng (truyện vừa), Ở Một Nơi Trên Trường Sơn (tập truyện), Qua Sông Mùa Mận Chín (thơ), Quán (thơ), Ô Cửa (thơ tuyển toàn tập, 2004), Xa Xứ (thơ, 2010), Vịn Vào Lục Bát (thơ, 2017)...



*

Viết Dưới Trời Khói Lửa

Cũng giống như John Steinbeck (1902-1968), khi tham chiến tại Việt Nam trong binh chủng Pháo Binh rồi là phóng viên chiến trường “Ở bất cứ nơi nào, với hành trang là một khẩu súng, một cây bút và một cuốn sổ tay ghi chép lại tức thời những sự kiện diễn ra kèm theo những nhận định cảm quan của một người chứng kiến sự kiện thực của những con người thực sự trong cuộc chiến” (Nguyễn Mạnh Trinh). Trần Hoài Thư cũng vậy trong đơn vị Thám Báo vừa cầm súng vừa cầm bút.

Trong bài viết Định Mệnh của Nguyễn Văn Dường, nguyên trưởng phòng Nhì SĐ 22 bộ binh:

“Bao nhiêu trách nhiệm nguy hiểm trong vùng địch kiểm soát, đột kích, thám kích, tiền thám hay viễn thám kể cả tăng viện và là mũi tấn công chính trong một trận đánh dữ dội, đều giao cho Đại Đội Thám Kích 405 (biểu tượng: Diều Hâu). Vì vậy sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của đơn vị này phải là quân nhân tình nguyện hoặc được chọn lựa trong thành phần có kinh nghiệm trận mạc, gan lì và nhất là sự bền bỉ chịu đựng gian khổ ở các đơn vị tác chiến khác của Sư Đoàn. Mặc dù Đại Đội Thám Kích không có trong Bảng Cấp Số của Sư Đoàn, nhưng do tính chất của nhiệm vụ khi thành lập – vì nhu cầu chiến trường - nên tính mệnh của mọi cấp trong ĐĐ/TK như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc thẹo trên mình. Trần Hoài Thư rời miền Trung vào miền Nam không biết được mấy Chiến Thương Bội tình...”

Quan những bài sáng tác, trích những đoạn trong bài viết của Ytan62 Hoài Thư trong cơn binh lửa:

* Thám Báo

“Những ngày cuối tháng 12, mưa tầm tã cả núi rừng, lẫn cùng những cơn gió miền núi hú loạn cuồng trên những thân cỏ thụ trong rừng già. Sương mù che khuất cả tầm mắt, mãi đến trưa chúng tôi mới nhận ra chút cảnh tượng xung quanh. Những hàng dây leo thả xuống đất, hay quần chằng chịt trên bãi hoang, mà theo mùa mưa, tranh, cỏ thì nhau mọc cao đến quá đầu người. Ban đêm, chúng tôi phải dựa vào gốc cây để ngủ hay ngả lưng một tí. Thường thường tôi không bao giờ chợp một giấc mà không bị thức dậy bởi những tiếng động khả nghi. Cuối cùng tôi cũng khám phá ra rằng, sinh vật vẫn còn hiện diện trong khu rừng này. Có thể là một con nai, hay một con gấu cũng nên...”

Có nghĩa là tôi sẽ không còn phải mang con tim đập thành thịch trong bóng tối đen đặc và lạnh buốt của rừng. Đám lính ngủ ngon lành xung quanh. Họ coi chiến tranh như một trò chơi cũng nên. Họ chẳng cần bận tâm gì đến hiện tại. Hay họ nghĩ là tôi, tay toán trưởng toán thám báo đã thay họ và có trách nhiệm bảo vệ họ. Thường những đêm mưa như thế, trong poncho, dựa lưng vào gốc cỏ thụ, tôi vẫn thường bị hành hạ bởi lũ sinh vật còn sót lại của rừng...”

Trong những lần nhảy xâm nhập, thường thường mỗi chiều tôi đã chọn điểm đứng sẵn, yêu cầu bộ chỉ huy đại đội sửa lại tần số, và giả vờ rút sâu hơn vào rừng hơn, để trời vào tối chúng tôi lại kéo nhau ra. Chỉ có cách đó mới tránh những cặp mắt của địch. Chúng tôi còn giả cả tiếng kêu của loài thú như mật hiệu. Hạ sĩ nhất Nay Lat có biệt tài giả giọng chim cú mèo. Một tiếng kêu báo hiệu toán tiền sát hãy đi chậm.. Hai tiếng kêu báo cho cả toán hãy dừng lại. Ba tiếng kêu giục toán phải đi nhanh hơn. Với những thằng nhảy toán như bọn tôi, sự sinh tử kề cận như lưỡi dao kê trên cổ. Chúng tôi phải tùy thuộc vào quyết định của trung đoàn trưởng, sư đoàn trưởng. Nói là lấy tin, báo cáo, dò thám, thì không đúng. Họ dùng chúng tôi như những con vật thiêu thân cũng nên. Họ ném chúng tôi vào rừng để bảo đảm an ninh cho vòng đai của đơn vị họ. Họ để chúng tôi tự đối phó lấy. Trên nguyên tắc chiến thuật, nếu đụng trận thì lập tức sẽ có quân tiếp cứu, trực thăng yểm trợ bốc chúng tôi, hay phản lực đội bom. Nhưng cái chiến thuật ấy chỉ áp dụng ở đâu đó trên sách vở, hay lý thuyết...

Tim ngực tôi đánh thành thịch. Gai đã làm quần tôi bị rách toẹt và cào đau tôi đến tê điếng. (Loại gai màu đen tuyền, nhỏ như lưỡi câu). Chúng tôi phải tìm đến những bụi gai chó đẻ này mà vạch lối, thay vì đường mòn để tránh những con mắt của địch. Thỉnh thoảng chúng tôi thấy những tờ giấy truyền đơn chiêu hồi của Tâm Lý Chiến nằm vương vãi... Tôi có thể đem cả toán ra khỏi rừng, tìm một chỗ an toàn, rồi báo cáo láo. Hay tôi có thể dừng lại ở đây, không tiến xa hơn nữa. Tôi không muốn tôi chết giữa lúc mọi người được sống. Dù trong cõi này, chúng tôi đã trở thành những kẻ đi tìm cái chết rồi. Có thể, ngày mai, nơi này sẽ trở thành bình địa, vì người ta tin tưởng không có mặt chúng tôi ở đây. Tôi thương những người lính của tôi. Họ cũng thương tôi. Họ không bao giờ bỏ tôi. Tôi biết. Họ cũng không bao giờ cãi lệnh tôi.

Thế mà hôm nay, họ cãi. Họ dừng lại, khựng lại, bắt chập. Hình như họ nghe. Họ linh cảm được một điều bất trắc trong rừng. Mắt họ hoảng sợ. Họ thì thào: “Thiếu úy, thiếu úy có nghe gì không?” Tôi nói tao không nghe gì. Họ nói: “Có tiếng hát.” Tôi cố gắng hết sức. Rõ ràng họ nói đúng. Tiếng hát. Theo gió. Khi diu dặt. Khi mất. Khi còn. Tiếng hát của người con gái. Vẳng lên ở bên kia bờ suối. Càng lúc, tiếng hát càng cuốn lốc, âm thanh càng bay bổng, để người nghe càng phải lắng cả hồn, để tâm não như tê thiếp. Chúng tôi cùng hướng về tiếng hát, chui rúc lách mình trong những bụi cây hay gai rậm lá. Tiếng hát càng lúc càng rõ. Và nhờ ống nhòm tôi có thể nhận ra một cặp trai gái đang ngồi bên nhau trên bờ suối. Người thanh niên trong bộ đồng phục ka ki Nam Định. Và người con gái cũng trong bộ đồ đồng phục lính nữ.

Thằng Nga, tên lực lưỡng nhất, nhìn tôi. Đôi mắt hấn như lò đục. Hấn muốn thanh toán. Dễ quá mà. Nếu muốn, hai đứa sẽ bò qua bờ suối, ngậm theo dao găm. Rồi hai đứa bất ngờ nhào ra, bịt miệng... Không. Tôi

không thể chơi cái trò dã man như vậy. Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cửu. Hãy cho anh ta được giữ gìn một tiếng hát. Tiếng hát cất lên từ chốn u minh, hoà nhập cùng núi rừng, cùng cây cỏ, cùng gió Hạ Lào, cùng chiến tranh, cùng tuổi trẻ. Tiếng hát như nói lên những điều cam nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam... Tiếng hát như bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc, lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu”.

*

Trong bài viết Đêm Cửa Thám Kịch, tác giả cho thấy cuộc sống của người lính chiến như sợi chỉ treo mảnh, bên bờ tử sinh:

“Đêm còn lại chúng tôi đã tìm một nghĩa địa làng để trú quân. Vẫn là những mảnh mới mảnh cũ. Vẫn là những bia mộ người chết bên cạnh quan tài của những con người còn thở. Người chết muốn yên, muốn an giấc ngàn thu, muốn tiêu diêu miền cực lạc, nhưng vẫn không xong, vẫn bị đám thanh niên từ đâu mò đến gài mìn, chong súng quấy rầy... Còn bọn này, vui lắm.. Chơi đùa với sinh tử. Bâu bạn với âm hồn...”

Dù bộ quần áo be bết, giày lấm bùn non chưa khô, có thằng, quần bị rách chưa vá, nhưng mà, bọn này hiểu rõ hơn ai sức nặng của sông của núi. Núi sông đã làm rách quần rách áo, đã làm bạc trắng xác xơ màu vải trận, đã làm cổ áo đen bẩn vì mồ hôi lẫn đất bụi. Nỗi cực khổ này phải bỏ lên khay mà thờ mà lạy, mới phải...

Vẫn là những chữ nghĩa từ những tay trí gà không chặt, đêm ngày nặn óc moi tim để sáng tạo ra những bài văn, bài thơ, khẩu hiệu dính máu đỏ lôm. Nó không cho tuổi trẻ chúng tôi được yên. Nó lôi chúng tôi ra đấu tố giữa đêm hôm khuya khoắc.

Hạ sĩ nhất Ký bò tới nói: “Thiếu úy để tôi dẫn toán tiền thám vào làm tịt miệng bọn chuột. Không lẽ đêm nào cũng nghe chúng chửi mình sao, ông?”. Câu nói của ông Ký như khích tôi. Tôi trả lời: “Thì đi. Tôi cùng đi với ông”. Tôi dặn ông Tướng xem trung đội dùm. Tôi cũng bảo Đông và Tròn ở lại. Ông Ký thì thào với tôi: Ông nhớ theo tôi. Xem chừng những hố bom, hay những vũng nước trâu. Bọn du kích này tinh ranh lắm. Khi nó phát loa, tức là nó đã có cảnh giới, có chốt bảo vệ nó. Ông nghe không. Nó còn dạy đời. Nó nêu đích danh thám kích nữa. Thật vậy, tiếng loa bây giờ chỉ đích danh đơn vị tôi mà kết tội. Bọn hung thần thám kích ác ôn... Thì ra, đám du kích này cũng biết sợ chúng tôi. Chúng tôi lao vào trong đêm. Đứa này theo đứa kia. Ông Ký dẫn đầu. Kế đến là tôi. Sau đó là Minh cao bồi. Và cuối cùng là Nha. Thỉnh thoảng một trái sáng từ hướng trại binh Mỹ được bắn lên, sáng lòa cả không gian, và chúng tôi cả 4 đứa đều nằm rạp xuống. Ông Ký như một con hổ rừng. Chúng tôi vừa bò, vừa ngừng lại để nghe ngóng. Có một điều là địch ít có kích như chúng tôi nên

việc xâm nhập vào mật khu địch thường thường ít khi bị phát giác. Chúng tôi cố gắng không lộ nước. Tiếng lộ là cả một đại nạn...

Những kinh nghiệm giúp họ vẫn còn tồn tại qua bao nhiêu ngày tháng lửa đạn chập chùng. Càng lúc chúng tôi càng nghe tiếng nước xoáy mạnh. Thì ra một con kênh đã chặn ngang. Tiếng nước chảy trong đêm thanh vắng càng nghe dữ dội. Có lẽ là nước lũ từ núi đổ xuống. Chúng tôi nằm trên bờ kinh. Không thể nào qua bên kia được. Rồi tiếng loa lại nổi lên, nghe rõ mồn một. Lúc ấy vàng trắng đã lẫn vào mây. Chúng tôi cùng nhau nhắm vào hướng tiếng loa và nổ súng. Tôi nghe tiếng la thất thanh ở bên kia bờ: Bọn biệt kích xâm nhập!. Bọn biệt kích xâm nhập!. Họ làm sao biết ở bên này, chúng tôi đang âm thầm rút lui. Như thể một trò chơi trốn bắt thời con nít. Quả đúng như lời ông Ký nói, từ đêm ấy, tiếng loa không còn nổi lên trong đêm nữa...”.

Bài viết này đã đăng trên tạp chí Bách Khoa, điều khôi hài THT gọi danh từ riêng ông Tướng (nhân vật trong truyện). Tác giả chia sẻ “Truyện ngắn của tôi trên Bách Khoa, khi viết về một buổi chiều phục kích tại một bìa làng, tôi có cho nhân vật ông Tướng – người trung đội phó gốc Nùng (tên thật là Lương Văn Tướng) vào trong truyện. Chẳng hạn “này ông Tướng, hôm nay tổ nào trực”. Tôi viết chữ Tướng với T hoa. Vậy mà ngài sát thủ lại kết tội tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó, bôi tất cả những chữ Tướng trong bài văn!...

Kể ra như thế để các bạn hiểu về kiến thức trình độ của các ngài cán bộ thông tin Bộ Cảnh Đục (dân sự) cũng như về nỗi khó khăn của người lính viết văn chúng tôi. Chúng tôi đã chiến đấu thật sự để bảo vệ họ được ung dung ở Sài Gòn. Và họ nhân danh sự dốt nát, để chém đâm những đứa con tinh thần của chúng tôi hết chỗ nói”!

*

Trong bài Mắt Đêm cho thấy lòng nhân đạo của người lính VNCH trong cơn lửa đạn:

“Khi tổ tiên sát viên chạy đến gần chiếc cầu gỗ, ẩn dưới bờ mương, tôi bắt đầu cho tổ của trung sĩ Y Bok tiếp tục tiến chiếm gò mả để yểm trợ cho tổ đi sau. Bên kia chiếc cầu gỗ, xóm nhà xác xơ. Vài ngôi nhà ngói bị đổ nát, còn lại những đống gạch vụn, dưới ánh nắng chói chang. Đại Bàng ra lệnh trong máy C.25, hãy dặn các con anh coi chừng, có mãng cầu nhiều lắm đó.. Tôi ngoác tay, ra hiệu người trung đội phó, làm một thủ lệnh sẵn sàng qua cầu. Đằng sau, trung đội 1 cũng bắt đầu tiến lên trên đám ruộng phía trái. Một chiếc L.19 đang bay đảo vòng trong bầu trời xanh lơ. Một trái khói trắng bốc lên cách gần tôi một trăm thước. Đó là quả đạn hiệu chỉnh của pháo binh. Tiếp đến là những quả đạn nổ long trời. Bụi cát bốc lên mù mịt. Đó là những quả đạn bắn hiệu quả.

Tôi áp người vào bờ mương, nghe thân thể rung động. Toán lính nằm dọc theo bờ, súng chĩa về ngôi làng. Tôi bặm môi, ra hiệu thẳng mang

máy đến gần, và báo cáo: Phú Sơn, đây Phú Sơn ba nghe không trả lời. Tôi báo cáo cho anh trình lại thẩm quyền, các con tôi sắp vượt qua cầu. Trình Đại Bàng cho yểm trở. Nghe rõ trả lời. Bàn tay buông lỏng. Tiếng rè rè từ ống liên hợp cất lên: Tôi nghe năm trên năm. Bây giờ những quả đạn pháo binh nổ dồn dập. Những cột khói đen cuồn cuộn, quện với hơi nóng rát mặt tỏa lên. Tôi được Đại Bàng bảo hãy chờ. Cho pháo binh cây nát mục tiêu đã. Rồi mình qua. Tôi đáp, nghe năm trên mặng, rồi nằm ngửa, súng đặt trên đùi. Tay lấy chiếc khăn, chiếc khăn màu lam mà Quỳnh đã gởi cho tôi trong lần chia ly cuối cùng, dầm nước mắt, lau vội mặt kính nhem nhuốc nước bùn, tôi nghe nổi kích thích lạ kỳ, tràn ngập trong từng tế bào, trong huyết quản. Thân thể bị lay động dưới sức nổ của đạn trái phá. Tôi xoay người lại, đặt đầu ống liên hợp vào tai lắng nghe những mẫu âm thoai dồn dập trong máy. Nắng đã bắt đầu lên, và cánh đồng trải dài nhẩy múa trước mắt.

Bây giờ, Đại Bàng ra lệnh: Hãy qua cầu. Đưa con 2, yểm trở cho anh. Tôi đứng, hét: Tổ tiên sát viên, qua ngôi làng, chiếm ngôi nhà trước mặt.. Tiến. Hạ sĩ I Ký cầm cây M.16, qua cầu, chạy như bay đến sau đồng gạch vụn. Những người lính còn lại tiếp tục chạy qua cầu, yên ổn. Tôi thở dài nhẹ nhõm. Tôi không ngờ tình hình lại yên ổn như thế. Khi này, trung đội tôi còn ở trong ngôi vườn cách ngôi làng một cánh đồng đất bùn, chúng tôi đã phải nổ súng dữ dội khi thấy những người bà ba đen chạy vụt qua. Binh I Mễ hét lên: Bọn nó chạy đó, thiếu úy. Tiếp sau, những tràng nổ liên thanh chát chúa vang lên, kèm với những quả đạn M.79. Tôi hét lên: Ai cho lệnh bọn mày bắn, hả? Tiếng Đại Bàng từ trong ống liên hợp ra lệnh thôi bắn, thôi bắn. Tôi bực dọc đá một thằng lính ngồi bên cạnh, say sưa nhả đạn. Ai cho mày bắn, hả? Mày lỡ bắn vào dân thì sao? Nó phân trần, bực dọc: Em thấy bọn nó mặc bà ba đen, chạy vụt qua mà. Tôi hét: Ai cho mày bắn? Đại Bàng la tùm lum, mày vác tai mà nghe! Binh Nay nói: Ở đây là V.C. hét. Thiếu úy không thấy ca-nông nhả, sao. Tôi không trả lời, rảo về phía tổ trung sĩ Y Dao, bố trí phía trái. Những nhánh hoa giấy đỏ thắm bò qua những sườn nhà trơ nóc, lung lay trong gió. Bầu trời thật xanh. Tôi ngồi xuống, và cảm thấy ngứa ở các ngón chân. Các ngón chân cọ quậy trong đôi tất ướt nước bùn. Tôi nghĩ đến câu nói của binh Nay. Có lý, có lý...

Đằng sau nhà, có tiếng hét của người lính: Lên không. Đầu hàng đi. Tao ném lựu đạn xuống bây giờ. Tôi đứng dậy, tiến về tiếng hét. Thằng Trung cầm trái M.26, sắp bỏ vào miệng rút chốt.. Tôi gọi giựt: Khoan đã. Muốn chết hả? Trung nói: Thiếu úy, em nghe tiếng động trong hầm, bọn nó núp trong hầm, thiếu úy. Tôi nạt: Mày tưởng bắt bọn nó dễ dàng như vậy sao? Trung cầm trái lựu đạn, phân bua: Thì ở đây là bọn nó rồi còn gì. Tôi nói: Lỡ dưới hầm toàn dân không thì sao? Tôi chỉ tay vào trái lựu đạn cay, sao mày không dùng thứ này? Ai dạy mày, hả.

Tôi nằm trên miệng hầm, sát tai vào lớp đất. Có tiếng rục rịch khe khẽ. Tôi bảo Trung và cả tổ nằm chĩa súng xung quanh miệng. Tôi hét. Đồng bào ở dưới thì lên, bọn tôi tới giải phóng đồng bào. Đồng bào không lên, chết chịu. Tôi đếm từ một đến mười...

Tôi đếm một, hai, ba, bốn, năm. Đồng bào lên không. Trái lựu đạn cay của Trung được đưa ra, và miệng nó sắp rút chốt, thì người đàn bà hiện lên trong khoảng tranh mờ tối của cửa hầm. Mẹ ta có bầu, trạc độ 39, 40 tuổi. Mẹ vừa trời đầu lên vừa chấp tay lạy: Lạy các ông, chúng con vô tội. Binh Hai hét: Còn bao nhiêu người ở dưới đó? Mẹ rên rĩ: Dạ còn chừng bảy, tám người. Gia đình con cả. Tiếp đến một lũ người trời đầu lên. Đi đầu là hai ông già, mấy người đàn bà, một đứa con gái còn nhỏ và mấy đứa con nít. Họ mang theo những chiếc va-li thiếc, những thùng đồ hoặc những túi vải bố. Tôi bảo lính dồn đám người về một góc.

Nắng chói lòa trên nền nhà đổ vụn và những mảnh chai phản chiếu một màu nhức nhối. Tôi cảm thấy khó chịu, khi những giọt mồ hôi bắt đầu rỉ rả xuống cổ. Mẹ đàn bà cứ réo: Lạy các ông, các ông tha con. Binh nhất Hai lên đạn rắc rắc. Mẹ nói các quan ơi tôi vô tội. Binh Hai vội đá cái va-li thiếc bay đi một khoảng và nói: Sao mẹ có bầu. Chồng mẹ ở đâu rồi. Mẹ đàn bà vội nói: Chồng tôi, ảnh làm lính Quân Cụ ở Qui Nhơn. Tôi cười. Bao giờ cũng vậy, mỗi lần hành quân qua mỗi ngôi làng mất an ninh, chỉ thấy đàn bà, trẻ con và ông già bà lão. Đàn bà phần nhiều có chửa. Và một điều lạ, hỏi chồng bà ở đâu, chúng tôi chỉ nghe ảnh đi lính Quân-Cụ, Quân-Nhu, hay nằm bệnh viện. Lần này mẹ đàn bà cũng nói như vậy. Tôi bảo lính lấy dao găm cạy va-li thiếc, lục soát. Nấp va li được mở tung. Có một bộ ka-ki vàng. Binh Hai hét: Chồng mẹ đi lính Quân Cụ hay đi giải phóng. Nói mau. Hấn sắp bặt tai, thì tôi vội ngăn lại. Tôi không thể chịu nổi những gương mặt thảm thê, những đôi mắt ngơ ngác sợ sệt đó. Mẹ đàn bà nhìn tôi van lơn. Hai ông già tiếp tục nhìn ra cánh đồng chói nắng. Những người khác nhìn xuống đất. Tôi quay mặt lại. Binh Hai vẫn tiếp tục điều tra, dọa dẫm. Nắng đã làm nhức mắt. Tôi muốn nhắm mắt lại, ngủ một giấc, một giấc thôi. Mẹ tôi ở đó, những đêm ôm chặt tôi trốn dưới gầm giường. Đạn réo ngoài sân, ngoài ngõ, ngoài hiên. Đạn réo trên đầu, trên lưng, Mẹ tôi ở đó, trên sân nắng, hai tay để lên đầu, khóc lóc nhìn bọn lính Tây tra hỏi. Vẫn những giọt nước mắt, vẫn những tiếng khóc lóc, như một âm vang từ xa xôi vọng lại, từ một quê hương, một xóm làng đìu hiu. Tôi chống hai tay vào đầu gối, mặt nhọc đứng dậy.

Tôi nói: Thôi, để yên đó. Mùi thối từ ngôi nhà gạch bên cạnh bốc lên, đến buồn nôn. Có lẽ là một xác sinh vật nào đó. Những quả cà-nông vẫn tiếp tục dội về, như một cung đàn buồn thảm. Chiếc L.19 vẫn rà rà trên đầu. Tôi đi về phía nhà sau. Toán lính đang lục soát trong nhà bếp...

Đến bốn giờ chiều, chúng tôi được lệnh mang số dân cư ngụ tại đây về vùng có an ninh. Trung đội tôi bọc chốt. Tôi phải khổ tâm mới bảo họ lên đường. Những thùng gạo, nồi niêu, những bát chén, kèm theo những

tiếng khóc nức nở. Tôi nghĩ đến một quê hương đã mất. Tôi phải bảo tính thúc từng người. Hình như không có người nào muốn đi. Cuối cùng đoàn người lục tục lên đường. Viên cố vấn Mỹ đi theo đại đội, đếm từng đầu người, rồi ghi trên sổ tay. Đồng ruộng trải dài, thỉnh thoảng vài hố bom cày, loang loáng nước. Đoàn người chậm chạp đi qua những con ruộng đất bùn...

Cuối cùng, đoàn người được đưa về làng ven lộ yên ổn. Có ba, bốn người ở lại. Tôi khỏ sở nhìn đám người chậm chạp, cử động trong màu sắc nhá nhem. Đại-bàng bảo nhiệm vụ của mình đến đây đã hết. Sơn-tây cho mấy đứa con sẵn sàng ra lộ, chờ lên con cua. Tôi đứng trên thềm một ngôi nhà gạch, nói lớn: Bây giờ đồng bào có thể yên tâm ở lại. Đây là vùng an ninh, có lính quận bảo vệ. Đồng bào được tự quyền đi lại. Đồng bào có thể về thành phố. Chúng tôi cảm ơn đồng bào...

Toán lính trở về dưới ánh trăng mập mờ. tiếng côn trùng vọng về âm u.. Những khóm tre xõa tóc như những bóng ma quái. Tôi cảm thấy lạnh. Trong máy C.25, các đứa con của trung đội 2, báo cáo bắt được một người đàn ông vừa trốn từ chân núi trở về và sắp sửa bắn một người đàn bà, trong đêm lại mò lên núi. Các đứa con báo cáo vị trí đã bị tiết lộ, bây giờ di chuyển toán lính về một địa điểm khác. Tôi lặng mình trong âm thanh quen thuộc từ ống liên hợp. Tiếng gọi và trả lời của người lính mang máy tiếp tục trôi lên, khe khẽ. Vô sự, các đứa con tôi đang zulu, đừng nổ súng ầu, nghe bò...

Dưới ánh trăng, khóm lá loang loáng những giọt sương đêm. Tôi nằm trên poncho. Người lính giúp việc mở bi-đông rượu, nói: Thiếu úy, uống một tí cho ấm. Tôi nói ừ đưa tao uống một tí. Sao mà lại kỳ vậy. Mỗi lần hành quân, lại mang cả bi-đông rượu theo. Uống say làm sao gác được. Hấn cười uống để đánh giặc cho hăng, thiếu úy...

Sáng hôm sau, tôi dắt trung đội đi lục soát khu vực toán kích nổ súng hồi đêm. Hy vọng sẽ tìm thêm một kẻ bị thương nằm lại đâu đó. Thăng Ngọc dắt tôi đến chỗ người bị bắn hồi đêm...

Một tháng sau, tôi cùng một thằng bạn lái xe jeep trở về thành phố. Chúng tôi ngồi trước hàng hiên của một tiệm giải khát. Tôi bỗng thấy đứa con gái nhỏ đứng trên lan can của một nhà tắm hơi. Tôi nhớ mang máng con bé bị tát tai trong chuyến hành quân trước. Con bé có mái tóc dài, đáng gày, và đôi mắt ngơ ngác. Con bé gánh đôi thúng gạo nặng, hai chân lún sâu dưới bùn, lảo đảo bước đi. Con bé đứng dưới gốc đa. Bây giờ con bé đang đứng trên lan can một tiệm Tắm Hơi. Tôi đứng dậy, đá cái lon sữa, đá một cái thật mạnh”.

*

Bài viết về Ban Mê Thuật Ngày Đầu Ngày Cuối, Diều Hâu Bỏ Núi và Về Một Đại Đội Cũ vào thời điểm THT ở Quân Đoàn IV tháng Ba năm 1975 những sự kiện xảy ra gợi cho tác giả liên tưởng lại hình ảnh trong quá

khứ để kết nối với hiện tại. Và với lối viết linh động như bản thân mình là người trong cuộc. Theo lời tác giả về Ban Mê Thuột... “Đây là một câu chuyện được xây dựng từ những dữ kiện có thật theo lời kể của cựu thiếu úy trinh sát trung đoàn 45/SĐ23B và cũng là người bạn cùng một sư đoàn, Nguyễn Lương Sơn. Tác giả mong được nói lên phần nào về một biến cố lịch sử mà những người lính vô danh VNCH đã là những chứng nhân, và hơn nữa đã tham dự thật sự vào, bằng máu, nước mắt, kiêu hãnh và tủi nhục trong những ngày oan nghiệt nhất của lịch sử đất nước từ ngày đầu tiên 10/3 đến ngày cuối cùng 17/3/75 tại Ban Mê Thuột.

Bài viết Về Một Đại Đội Cũ, tác giả ghi “Kính dâng hương hồn anh Hồ Văn Hòa” đã một thời sát cánh bên nhau.

“Đêm nay, quê người, và hơn 30 năm xa cách cho hai cánh diều hâu bỏ đàn bỏ tổ. Những giọt lệ bỗng nhiên lại thêm một lần chảy lạnh cả tâm hồn. Người sống nhớ về người đã chết. Người may mắn nhớ về người không may mắn. Nguồn cội từ một mái nhà được phanh ra, để cùng nhau tự hào và cũng để cùng nhau mà khóc thảm. Những con người, không bao giờ nhìn lên, mà chỉ nhìn xuống, cam phận - THT”

“Từ 405, anh Hòa đã mang chiếc khăn quàng cổ màu đen về 35 BĐQ. Từ 405, tôi cũng đã mang 9 tác phẩm văn học đến cùng đọc giả. Con số quá đủ cho một tấm lòng đối với bạn bè đồng đội của mình. Tôi hẹn với lòng, sau Mặc Niệm Chiến tranh là bỏ viết. Tôi đã gởi gắm những gì mà tôi cần gởi gắm. Nhưng bây giờ, tôi lại ngồi trước máy. Những lời của anh Hòa chẳng khác cơn bão xoáy lốc vào tâm não. Một đặng, tôi cảm thấy mình thật hãnh diện, bởi vì tôi đã có mặt tại một đơn vị đã từng tạo nên một thành tích kỷ lục có một không hai trong QLVNCH...

Phải. Không tự kiêu sao được khi đám lính khăn choàng đen huy hiệu Diều Hâu vô mồi đã làm địch Bình Định kinh hồn bạt vía. Chúng tôi đã áp dụng tối đa chiến thuật dạ kích. Anh bạn, tôi xin nhắc lại, nếu địch là ma, thì ta cũng là ma, tại sao mấy ngài chỉ huy cao cấp chỉ biết cái chiến thuật nhà giàu, ngày đánh, đêm về phố nhẩy đầm hay ngủ với vợ. Tại sao các ngài không thành lập những đội quân chuyên đánh đêm, hay đổi lại chiến thuật đánh ngày sang đánh đêm. Địch lợi dụng bóng tối tại sao ta lại không lợi dụng bóng tối để đột kích mật khu, phá nát hậu cần, gây cảm giác lo âu kinh sợ cho đối phương, bắt đối phương lúc nào cũng hoang mang giao động? Tại sao cứ chơi trò đóng đồn phòng thủ, chờ chuông báo tử. Chuông báo tử. Những hồi chuông đã kéo hồi hải khắp cả miền Nam, và bóng u minh đã òa chụp xuống từng người, từng thân phận. Không phải vì ta hèn. Chưa có một đội quân nào trên thế giới này, thua trận, nhưng lại tự hào cùng hàng ngũ, cùng màu cờ sắc áo như quân đội miền Nam này. Không phải một ngày, một tháng, mà cả đời. Chỉ có những kẻ trong cuộc mới hiểu và thấm thía được nỗi tự hào. Và đó là lý do cốt nghĩa tại sao tôi lại phải viết hoài, viết không mệt về màu áo cũ của mình.

Viết về một đơn vị, để mà tự hào, nhưng riêng tôi lúc này còn để hối hận.. Bởi vì, ngòi viết của tôi chưa bao giờ có một nhân vật như Y Brep trên trang giấy. Và tôi cũng chưa bao giờ mời ông Tưóng giải phóng, trung đội phó của tôi một cốc rượu, một lon bia. Ông ta anh hùng như thế, dẫn toán vào mặt khu, hù lính Bắc quân, thế mà mỗi ngày vẫn chào tay tôi, trình diện tôi, giúp đỡ tôi, nâng bước chân tôi lên trên những bãi chiến trường sôi bỏng. Thế mà tôi không có cả một lời. Và dù có viết, thì đám kiểm duyệt ở Sài Gòn lại bôi đen chữ Tưóng viện dẫn tôi chơi xỏ một ông tưóng nào đó. Vâng, tôi đã vô tình quên họ, những người lính của trung đội tôi như Y Dao, Nay Lat, Y Suk, như Nha, Vọng, Tròn, Hường, Nai, Lợi, Ký, Mễ, Ưng Luông. Tôi chỉ bận tâm đến bản thân tôi. Tôi chỉ tìm mọi cơ hội để được thăng quan tiến chức, hay để được thoát khỏi địa ngục trong lúc họ vẫn tiếp tục cùng chiếc poncho, hay lon cơm gạo sậy, coi đơn vị là mái nhà vĩnh viễn của mình mà không một lời ta thán”.

*

Điều Hậu Bỏ Núi bi phần, uất hận như hàng trăm ngàn chiến sĩ nơi sa trường đã liêu mình dán thân trong lửa đạn để bảo vệ quê hương nhưng thời điểm cuối cùng đành ngậm ngùi tan hàng!

“Suốt cả tuần, trận đánh vẫn chưa ngã ngũ. Hết đơn vị này tiếp đến đơn vị khác bị khựng lại khi tìm cách tiến qua mặc dù trước đó bom pháo dọn đường đã trút xuống như mưa thác. Những hang đá chằng chịt và kiên cố ở sườn đồi, nhìn xuống con lộ dẫn vào sâu trong rừng đã khiến những cơn mưa bom, và đạn pháo binh phải chịu thua. Và đơn vị đã phải quay lui. Cuối cùng cấp trên điều động đơn vị chúng tôi đến mặt trận. Họ đã hiểu chiến thuật trận địa chiến phải bó tay trước những tên địch ngoan cố, xâm mình. Không dễ gì phải tấn công một cao điểm khi phải bò lên giữa một triền núi trống trải trước những họng súng đại liên đã chực sẵn. Và chỉ còn cách là dùng chiến thuật dụ kích. Chỉ có cách đó mới may ra làm câm họng những ổ súng tàn bạo.

Người lính bây giờ là người lính cảm tử. Trước hết phải cố làm sao để nhận rõ nơi trú ẩn của địch, phải gắng định hướng chỗ đặt khẩu súng nặng bằng cách nghe trảng nổ cũng như nhìn tia đạn lửa đến từ đâu, sau đó dùng máy hồng ngoại tuyến, tìm mọi cách bò đến, lao vào, quăng lựu đạn tiêu diệt...

Đêm nay chúng tôi lại thêm một lần nữa, mặc đồ đen, ngậm dao găm, bọc đầy lựu đạn loại lân tinh. Tổ trưởng còn mang theo ống nhắm hồng ngoại tuyến. Giờ G là 3 giờ sáng. Theo kinh nghiệm chiến trường, khoảng thời gian này là khoảng lý tưởng nhất cho cuộc làm ăn đêm. Bởi lẽ bất cứ thằng lính nào cũng đã thấm mệt hay cũng đang mơ màng giấc ngủ. Và mệnh lệnh cho chúng tôi là hỏi Thần điều đáp Kinh Ngự.

Dĩ nhiên tôi để trung sĩ Thành làm tổ trưởng tiền sát gồm hạ sĩ Nga, hạ sĩ Y Mông và hạ sĩ Phát. Hấn gan lì và dữ tợn. Càng nguy hiểm chừng nào, hấn lại càng say mê, phấn khích chừng nấy.

Tôi xiết chặt tay hấn, và hấn cũng xiết chặt tay tôi như chuyền cho nhau sức mạnh. Hấn thăm thì, giọng ngạt mùi rượu đế: Có gì thì nhờ ông thầy giúp đỡ con vợ tôi. Tôi cảm động đến rưng nước mắt. Tôi biết phải an ủi làm sao để hấn cảm thấy tự tin hơn. Mục tiêu không phải để gì thanh toán khi kẻ địch có lợi điểm hơn chúng tôi, và nhất là họ đang cố sức bảo vệ cây súng nặng. Tôi nói nhỏ: Đừng nói bậy không nên...

Tôi dẫn một tiểu đội bò lên hướng trái, và trung sĩ nhất Tông, trung đội phó, lãnh một tiểu đội bò lên hướng phải. Chúng tôi không gặp trở ngại nào khi bò qua bãi đất trống trước khi lên đồi. Chúng tôi phải dồn cục nhau. Hạ sĩ nhất Bảy bò đầu. Tôi bò theo hấn, vừa bò vừa quan sát bằng ống nhắm hồng ngoại tuyến. Trên lưng áo mỗi đứa có dấu hiệu lân tinh rất nhỏ để chúng tôi có thể dễ dàng nhận ra nhau. Qua máy nhắm, tôi có thể nhìn thấy mấy bóng đen của toán tiền sát đang lom khom vừa bò vừa chạy.

Bỗng nhiên, một tiếng nổ long trời lở đất nổi dậy, và sau đó là những tràng đạn tiểu liên, đại liên cắt xé màn đêm. Rõ ràng địch đã phát hiện chúng tôi. Tuy nhiên họ dường như không thể biết chúng tôi ở đâu. Chỉ có kẻ lợi là chúng tôi. Bởi vì chúng tôi có thể biết hang đá nào địch đang trú ẩn. Chúng tôi chỉ việc bò đến và quăng lựu đạn xuống hang đá.

Địch không mạnh như chúng tôi tưởng. Chúng tôi đã dễ dàng làm câm ổ súng nặng ngay đêm hôm ấy. Để đổi lại, trung đội phải chịu thiệt trung sĩ Thành, người hạ sĩ quan gan dạ nhất của đại đội. May mắn, hấn vẫn không chết, dù cả người hấn bị banh tơi tả do từ những trái lựu đạn mà địch đã gài trên lối dẫn đến hang đá. Hấn đã dọn đường cho những người lính cảm tử khác tiến lên để tiêu diệt ổ súng...

Giữa lúc ấy tín hiệu bay đến... Tin cho biết Sài Gòn đã ra lệnh bỏ cao nguyên!

Cả hàng quân đứng im phăng phắc. Những vũng mồ Nó đến sau khi chúng tôi được tin Mặt Trời sẽ bay đến thị sát chiến trường và gắn huy chương. Cái lệnh được ban từ một trung tâm hành quân nào đó ở rất xa, nghẹn ngào và hồi hải xen giữa muôn ngàn âm thanh đàm thoại hỗn loạn trong máy khuếch đại, đầy tiếng chửi thề, những lời phẫn uất, những câu hỏi mà không có câu trả lời, những tuyệt mật hết màu sinh khí. Những chiếc mũ rùng chục lên những đầu tóc rối bù. Những chiếc quần trận mà bụi và đất đã lấy đi hết cả màu xanh, rách toạc lộ cả vải quần lót... Trời đã trở chiều. Nắng còn sót lại làm thắm vàng cả cánh rừng bên cạnh. Ông nói kể từ giờ phút này anh em có quyền ra đi. Trước khi chia tay, xin anh em hãy cùng tôi đứng nghiêm một phút mặc niệm cho những người bạn của chúng ta đã bỏ mình. Rồi ông hô nghiêm, buồn bã. Chúng tôi cùng cúi đầu. Có những giọt nước mắt lăn trên má khô cằn, hóp sâu, bơ phờ

của người lính già. Có những giọt lệ vẫn còn long lanh trên tròng con người thất thần, đục lờ vì những đêm ngày căng thẳng trong lòng hỏa ngục. Có giọt lệ chưa kịp lặn, lại thêm những giọt lệ khác trào ra. Có thằng lính trẻ khóc tức tưởi khiến người lính già phải la lên: “Mày làm như con nít lên ba. Làm sao tao gả con gái tao cho mày được”.

Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy buồn đến độ tê tái, héo úa cả ruột gan như lúc này. Súng vẫn nổ. Tiếng pháo vẫn vang dội ì ầm từ xa... Những cuộn khói vẫn còn bốc lên trên căn cứ. Những người bị thương vẫn rên rỉ. Mắt ai quay lại nhìn về hướng xa, mờ lệ. Lần đầu tiên tôi mới hiểu thế nào là nỗi mất mát. Chắc là không bao giờ tôi được cơ hội trở lại thành phố ấy nữa. Chắc là không bao giờ tôi còn trở về để ngồi trong quán cà phê có cô nàng đôi mắt rờn rợn liêu trai nữa. Mất rồi. Sự thật đến độ thật kỳ cục...

Bây giờ, thầy trò thi nhau mà chạy. Tướng cũng cuốn cờ, mà quân cũng cuốn vó. Lúc này là lúc tôi muốn bỏ tất cả. Tôi đã không còn đủ sức để gánh thêm cái trách nhiệm này nữa. Tội này ai gây nên. Lịch sử này ai gánh chịu. Những người lính của tôi, họ ít học, người gốc nông dân, người gốc Thượng, gốc Nùng, người bị bắt đi quân dịch, họ đâu có tội gì để gánh cái khối đá tảng của lịch sử. Những người có trách nhiệm bây giờ ở đâu, sao máy thì bật tằm không một lời thăm hỏi. Hay họ đã chạy trốn rồi. Sau đó chúng tôi vất súng cối bỏ bộ đồng phục và mạnh ai nấy tan hàng. Riêng tôi thì không biết đi đâu nữa. Mặt trời cũng sắp lặn”.

*

Đọc những bài viết của Trần Hoài Thư về thân phận của người lính chiến mới cảm nhận những dòng thơ của anh. Trong thời chinh chiến trong thơ và văn của THT trước thực trạng bị thương trong cơn binh lửa.

Thi phẩm Ô Cửa (tuyển thơ toàn tập) dày 382 trang gồm 245 bài thơ liệt kê trong 8 trang Mục Lục. Thư Ấn Quán 2004. Trong phần Lời Mở tác giả cho biết “Tuyển tập này gồm những bài thơ trong Thơ THT (xb 1996), Qua Sông Mùa Mận Chín, Tháng Bảy Hành Quân Xa, Ngày Vàng, Người Lính... Có một số bài được chỉnh lại, khác với nguyên tác”. (Sau tuyển tập này có ấn hành hai thi phẩm Xa Xứ năm 2010, Vịn Vào Lục Bát năm 2017 có thêm những bài thơ thời lính trận).

Bài thơ Ô Cửa (trang 14 & 15) được chọn làm tựa đề cho tuyển tập thơ. Từ bài đầu tiên Đêm Vượt Sông đến bài cuối cùng Kết, tác giả không sắp xếp sáng tác theo thứ tự thời gian.

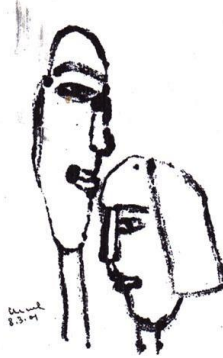
Với chân dung về một người lính trong Trần Hoài Thư từ lúc ra đơn vị tác chiến đến lúc buông súng. Thân phận người trai trong thời chiến qua bài thơ Thế Hệ Chiến Tranh:

“Thế hệ chúng tôi mang đầy vết sẹo

TRẦN HOÀI THƯ

Ô CỬA

Tuyển thơ toàn tập



THU AN QUAN
2004

Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn
Không phạm tội mà ra tòa chung thẩm
Treo án tử hình ở tuổi thanh xuân
Thế hệ chúng tôi loài ngựa thồ bị xích
Hai mắt buồn che bởi tấm da trâu
Quá khứ tương lai, tháng ngày mất tích
Đàn ngựa rũ bõm không biết về đâu
... Thế hệ chúng tôi già như quả đất
Râu tóc mỗi ngày mọc những hoang mang...”
Cuộc sống của người lính tác chiến quá cơ cực, bóng tử thần rình rập
nên:

“Chúng tôi sống, ngày là đêm, bóng tối
Trong hầm sâu, dưới địa đạo u minh
Hơi hực hắng, theo từng cơn địa chấn
Tai ù ù như bật vỡ âm thanh”
(Bóng Tối).

Quân Đoàn II có hai Sư Đoàn, SĐ 23 đảm trách các tỉnh phía Nam và SĐ 22 đảm trách các tỉnh phía Bắc. Nơi này có nhiều địa danh xảy ra chiến trận:

“Trung đội những thằng trai tứ chiếng
Những thằng bỏ lại tuổi thanh xuân

Diều Hâu bơi mặt hù ma quỷ
Thuở đất trời bày đặt nhiều nhường...
... Trung đội ta những thằng giữ đất
Từ Qui Nhơn, Phù Cát, Phù Ly
Ra Tam Quan qua vùng An Lão
Từ Kỳ Sơn, Phước Lý, An Khê”
(Trung Đội)

Từ một nhà giáo ốm yếu, cận thị, làm lính chiến vẫn bạt mạng, sống bất cần, vì vậy khi Nhảy Trục Thăng ở Phước Lý:

“Thì ta ra trận, ta ra trận

Trăm lần thì cũng chuyện rong chơi
Vẫn chuyến bốc quân vào buổi sớm
Vẫn chuyến trở về không buồn vui”

Hết nơi này đến nơi khác từ núi rừng đến sinh lầy như Đêm Đột Kích Ở Nho Lâm:

“Đồng nước mênh mông, quân ngoi ngóp

Đêm đặc lòng như thủy mộ quan

Òa lên trái sáng run hơi thở

Nghiến chặt hàm răng về Nho Lâm

Ai dẫn đường đi sao khựng lại

Trời đen không thấy một vì sao

Bón bề thăm thẳm lau cùng sậy

Những rặng tre mờ in bóng cao”

Người lính Thám Kích luôn luôn ứng trực, không có giờ giấc, đôi khi hành quân cả tháng, vừa về đơn vị lại lên đường Trước Giờ Tiếp Viện:

“Nửa đêm keng giục, quân ra trận

Kinh động cả lòng đêm tối bưng

Nhận lấy ba ngày cơm gạo sậy

Không buồn chỉ một chút băng khuâng

Đời ta là con số không vô tận

May trên đầu còn chiếc mũ rừng

Mũ nhẹ nên coi đời cũng nhẹ

Chiến tranh. Thì cũng tựa phù vân”.

Hình ảnh sống thực của người lính Thám Kích nay đây, mai đó mới phác họa được thảm cảnh:

“Diều Hâu đã về như một lũ âm binh

Kẻ trước kẻ sau lao vào địa ngục

Đêm không thấy đường giữ dây khỏi lạc

Chúng tôi băng đồng nước ngập

Giải cứu quê em”

(Đêm Tiếp Cứu Chợ Huyện)

Sống sót lúc hành quân, được trở về hậu cứ như Đàn Ngựa Về Thành:

“Khi trở lại ngồi trong lòng quán tối

Thuốc vàng tay và vàng trán đăm chiêu
Thế hệ chúng tôi những đứa đôi mươi
Hòn đã mọc những nụ buồn rất sớm
Khi trở lại, dựa lưng vào vách quán
Để giọt buồn pha đậm tuổi suy tư
Chiếc mũ rùng che nửa mặt âm u...”

Cũng như những bài trong văn xuôi, thế hệ của anh sinh nhảm trong cuộc chiến nên phải cam chịu đao binh, bất hạnh... thay vì nguyên rửa nhưng vẫn tự hào:

“Tôi đứng giữa những nỗi buồn lịch sử
Lẫn tự hào của tuổi trẻ hôm qua”.

Với ngọn đồi mà người lính Thám Kịch đã bao lần hành quân rồi trong lần trở lại với Đồi Xưa:

“Tôi qua đồi xám mây mờ núi
Thương về đâu một lũ sáo rừng
Hôm qua đồi ngập hàng trăm xác
Đạn pháo đào sâu bãi chiến trường

...

Có ai dưới lớp mồ hoang dã
Nằm xuôi chân mắt mở trợn trừng
Chiều nay sao mọc về phương Bắc
Sao ruột lòng vất đỏ phương Nam
Cỏ tranh lớp lớp che đường dốc
Phòng tuyến buồn hiu nhuốm nắng chiều
Trận đánh cũng đi vào quên lãng
Sao còn rờn rợn những hồn xiêu”

Chiến tranh thật tàn khốc, trên đồi dưới sông đều là mồ chôn xác người. Những nơi người lính trận nhập cuộc đều là chứng nhân cho những năm mồ.

Những địa danh trong vùng trách nhiệm đó, ngoại các địa danh có tên trên bản đồ, và một nơi nguy hiểm, gọi là Eo Chết:

“Địch cho Trung Đội qua eo chết
Hai bên sườn đại liên đan nhau

...

Một hai ba... Lộn. Nằm co quắp
Còn lại vẫn ào lên ào lên
Đừng bò! Đừng bò!
Trung đội phó hét cuồng điên
Cỏ tranh bắt mỗi chày mạnh
Gió tạt khói mù
Bồn bề khói rợp
Khói cay cay cặp mắt nổ tròng
Khấp bồn bề gào thét xung phong

...

Cao điểm chiếm rồi
Vui mừng quá độ
Mà sao người lính Truyền Tin rơi lệ
Báo cáo trong tiếng mất tiếng còn
Về những thằng bị kiến cắn * ngủ yên”
(* Bị kiến cắn: Tử trận)

Địa danh Kỳ Sơn có nhiều nơi ở miền Bắc, và hình như chỉ ngọn đồi Bình Định mang tên này, cũng là nơi xảy ra hoạt động đơn vị của đối phương (Nông Trường 3 Sao Vàng) nên luôn luôn xảy ra nhiều cuộc đụng trận với nhau.

“Kỳ Sơn đồi trọc chim không đậu
Đại đội đi, một nửa không về
Lớp lớp người nhào lên, ngã gục
Đạn sỏi bờ sỏi đá, u mê
Kỳ Sơn cao độ hai trăm thước
Đêm hoảng kinh, đổ huyết vàng trắng
Những xác hôm qua, vàng rám mỡ
Những anh hùng, ngụy tặc, nằm chung
Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn
Người chưa về tóc mẹ bạc như sương
Ngày sau ai nhớ cho dòng lệ
Kỳ Sơn ơi, Kỳ Sơn Kỳ Sơn...”

Đọc bài thơ Kỳ Sơn này nhớ bài Trường Sa Hành của Tô Thùy Yên:

“Trường Sa! Trường Sa! Đảo chũnh choáng!

Thăm thẳm sầu vây trắng bốn bề.

Lính thú mười người lạ sóng nước,

Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi...”.

Bài thơ Đêm Phục Kích Ở Luật Chánh cho thấy sự đối mặt với địch quân:

“Ráng thức, mắt ơi đừng nhắm nhé

Nơi nào cũng vậy, cũng hồn ma

Nơi nào cũng vậy, ngàn tinh tú

Nhòa nhạt trên cao, tựa mái nhà

... Trời hời, thềm chao ơi giấc ngủ

Sao mà, ngực thành thịch nổ tung

Đêm nay dài quá, sao dài quá

Mà đám Sao Vàng chưa đến thăm?

... Ai biết đêm rồi ta trắng mắt

Để chuông chùa rộn rả bình minh?”

Lúc lâm trận, phải đối mặt nhau, súng đạn vô tình, ta không giết địch thì địch giết ta nhưng sau trận chiến, nhà thơ thể hiện tấm lòng nhân bản, hình ảnh cao đẹp của người lính chiến:

“Bắt tù binh mời điếu thuốc thơm

Để thấy miền Nam lính hiền ghê gớm”

...

Có một nơi nào hơn ở Việt Nam

Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam”

(Ta Lính Miền Nam)

Một Ngày Không Hành Quân tìm niềm vui bên ly rượu để nhớ đồng đội đã ra đi và với đối phương cũng rót rượu thương xót:

“Cô hàng ơ cho một ly không

Tôi rót mời một người lính Bắc

Hắn nằm banh thây dưới hầm bí mật

Trên người vẫn còn sót lại bài thơ

Trên đồi cao, mây vẫn xanh lơ

Có con bướm vàng dịu dàng dưới nắng

Tôi với hắn, đâu có gì thống hận

Bài thơ nào cũng viết để yêu em”

Sau những năm làm lính Thám Kịch với xác người, thây ma... với thương tích, tử sinh... thế mà Từ Biệt Núi Rừng vẫn còn mang theo hình ảnh:

“Từ biệt núi rừng, vùng đất khổ

Những ngày bùn đỏ bám giày saut...

... Mà sao cứ nhớ chùm lan dại

Giữa bãi hoang tàn vẫn nở hoa

Thôi nhé, Trường Sơn xin bỏ lại

Ta về châu thổ lội qua Miền

Bỏ lại trên vai hòn núi nặng

Cho những bạn bè đồng đội anh em”.

*

Thư Quán Bản Thảo 55, tháng Giêng năm 2013 với chủ đề Dương Nghiễm Mậu. (TQBT do Trần Hoài Thư chủ trương, không bán, chỉ gửi tặng bạn bè, thân hữu yêu văn học, liên lạc với ban biên tập). Niềm vui khi nhận được TQBT 55 nhưng khi mở trang báo với nỗi buồn và xúc động.

Vài dòng trong Thư Tòa Soạn do thân hữu Trần Thị Nguyệt Mai viết: “Số báo kỳ này được thực hiện trong lúc người thân yêu của anh chủ trương nằm trong bệnh viện vì cơn stroke ác nghiệt. Anh chủ trương đã quyết định đình bản TQBT vô hạn định, tuy nhiên chị THT vẫn muốn tờ báo tiếp tục.

Với ý muốn ấy, chúng tôi - những người xem TQBT như một mái nhà của mình – đã cùng với anh chủ trương cố làm theo ý muốn của chị”. Chị Nguyễn Ngọc Yến, hiền thê THT, sát cánh cùng chồng để thực hiện TQBT và Thư Ấn Quán. Tháng 1 năm 2013 một cơn tai biến (stroke) đã làm chị ngã gục!

Ở trang báo kế tiếp, mục Sống & Viết, Trần Hoài Thư nói rõ hơn về thảm cảnh bất ngờ phủ chụp xuống gia đình ông, như sau:

“Bây giờ trận bão Sandy chỉ còn là lịch sử. Những thân cây nằm ngổn ngang trên đường như thế này đã được dọn sạch, và bên lề đường, thỉnh thoảng còn những gốc cây chưa kịp dọn, nằm trơ vơ, với gốc rễ và ụ đất như một di tích của trận thiên tai hãi hùng đã chụp xuống trên tiểu bang New Jersey chúng tôi.

Nhưng có một trận bão khác. Lần này ác nghiệt hơn bao giờ. Đó là trận bão stroke.

Nó chỉ nhắm vào Y. để mà đánh. Nó không có sức gió, hay có một triệu chứng gì để nhà khí tượng học có thể đoán ước về hướng đi, về vùng đất bị ảnh hưởng. Nó không cho chúng tôi biết để đề phòng. Làm sao tôi có thể lấy chấn, khiến để bao bọc che chở cho nhà tôi. Và ngay cả tôi? Làm sao tôi có thể hứng nổi đau đớn thay cho Y. Tôi khóc. Mất đồ, sưng, nhưng tôi nói dối với người ta là tại cặp mắt mới vừa mổ. Sức gió dù mạnh đến mấy, ta cũng có thể phòng bị, vì kỹ thuật khoa học về khí tượng học có thể giúp ta được an toàn, nhưng sức stroke thì quá khủng khiếp. Dù y học tiên tiến cách mấy cũng đành bó tay. Để rồi nó khiến thân thể không thể ngồi, đứng, tay trái, chân trái không thể cựa cựa. Nó đóng những cây đinh khổ nạn vào thân thể con người...”

Cho đến tháng 4 năm 2018, trải qua 5 năm, kể từ ngày ngã bệnh chị phải ngồi xe lăn, anh THT luôn luôn túc trực chăm sóc vợ. Vài lần đưa vợ vào nursing home nhưng anh THT lại không đành lòng sống thui thủi một mình ở nhà, quá trống vắng nên đem về, khi bệnh tình trở nặng, lại mang vô. Anh chị có đứa con trai duy nhất, bác sĩ, làm việc ở tiểu bang lân cận nên không có cơ hội gần gũi với cha mẹ.

Với sự đồng tình của vợ, trong suốt những năm qua Thư Quán Bản Thảo vẫn ấn hành và Thư Ấn Quán vẫn tiếp tục thực hiện những tác phẩm của thân hữu. Có lẽ, vợ chồng THT là ‘cặp đôi’ duy nhất ở hải ngoại có tấm lòng trong sáng, thiết tha đến việc bảo tồn văn học miền Nam trước năm 1975 ở hải ngoại.

Với THT, từ ngày làm lính trận, cận kề với cái chết nên bạt mạng, sống bất cần đời nhưng hết lòng với đồng đội, bằng hữu. Giang hồ lãng tử với bao mối tình si vẫn vợ cho qua ngày đoạn tháng. Con ngựa bất kham (anh tuổi Nhâm Ngọ) dừng chân trong vòng tay của người bạn đời.

Trên tạp chí Sóng Văn (1997), phỏng vấn chị Nguyễn Ngọc Yến, chia sẻ đôi điều:

“Cũng vì yêu mến văn chương, nên duyên văn nghệ đã đưa chúng tôi gặp nhau. Chúng tôi có những kỷ niệm đầy vui buồn theo vận mệnh thăng trầm của đất nước. Nhưng kỷ niệm tôi mang theo đến lúc tàn sinh là những ngày bồng con đi xin ăn ở một làng hẻo lánh bên bờ Thái Lan, sau những ngày đói khát, lênh đênh trên biển cả...”

Đối với anh Thư, đi làm việc về hầu như ‘đóng đinh’ trước computer, gõ ‘lóc cóc’, ít khi để ý đến công việc gia đình. Nhưng tôi thấy việc nhà là trách nhiệm của một người vợ, nên không có gì phiền hà trong lòng cả...

Lúc nào viết cũng có ly cà phê và điều thuốc để trước mặt, anh nói: có hút thuốc thì nguồn cảm hứng mới dồi dào. Tôi rất sợ mùi thuốc lá, nhưng đành chịu chứ biết sao giờ...”.

Những ngày cuối đời của vợ chồng Trần Hoài Thư tuy “bất hạnh về bệnh tình” nhưng là hình ảnh đẹp nhất, trân quý nhất. Và, vài dòng thơ trong thi phẩm Vào Vào Lục Bát, THT trải lòng với vợ:



“Hôm nay lạnh, buồn tàn thu
Em nằm tôi hạ tôi hầu à ơ
À ơ bồ kết rụng rồi
Sao không rụng trái khổ đời nghiệt oan”
(Bồ Kết Rụng Rồi)

“Còn đây tác dạ thước mền
Giường dưng, gối lạ, ngọn đèn vàng hiu
Còn đây, còn đêm tịch liêu
Trong tôi con sóng thủy triều trở trăn...
(Về Lại Phòng Ngủ)

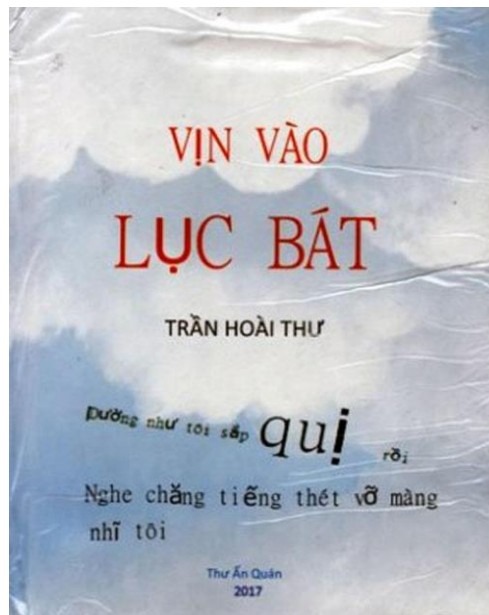
Trước hình ảnh người vợ lâm trọng bệnh, THT tự trách mình gây “nghiệp oan” nên người bạn đời mới cam chịu:

“Em đi để nhận đoạn trường
Xe lăn định mệnh, chiếc giường nghiệp oan
Hay là em chuộc dùm chồng
Như xưa Chúa đã chuộc dùm thế gian?”

Sau khi chị Yến bị stroke lần thứ ba, những dòng thơ của THT với Em Cứ Nói Đi cho thấy tình trạng ngật nghèo của chị và nỗi đau tuyệt vọng của anh, vô cùng cảm kích:

“Anh còn tai này em cứ nói đi
Anh không nghe thì tai anh sát kê cho rõ

Em cứ nói đi, dù chỉ là hơi thở
Dù tiếng mất tiếng còn dù chữ ngã chữ nghiêng...
... Em nằm đấy, trời ơi, sao mấy năm trời cứ nằm mãi vậy
Cửa đóng rồi, làm sao đón ánh nắng vào đây
Tay trái liệt rồi, sao tay phải vạ lây
Sao chân phải không cho chúng ta một niềm hy vọng?
... Anh không biết anh có còn sức mạnh
Anh sắp ngã rồi, anh đang gắng sức dồn hơi
Chơi một trận cuối cùng trước khi bỏ cuộc chơi...”
(Đây là bài thơ mới nhất, anh vừa gởi cho tôi, trước kia khi anh bị thương
vẫn tiếp tục cuộc chơi, nay vợ lâm trọng bệnh, anh xót xa hơn bản thân
mình!). Có nhiều tác phẩm viết về tình nghĩa vợ chồng... với THT chỉ
những câu thơ cũng nói hết đạo vợ chồng thật cao quý.



Ngày trước lúc còn trai trẻ THT Viết Dưới Trời Khói Lửa và đến lúc xế chiều của cuộc đời lại viết trong nỗi cô đơn và quặn đau! Niềm an ủi duy nhất của anh bây giờ còn viết được.

Léopoldine mới 19 tuổi chết đuối trên dòng sông Seine ngày 4 tháng 9 năm 1843, năm 1847 văn hào Victor Hugo làm bài thơ Demain, dès l'aube, chỉ 12 dòng thơ được xem như một tuyệt tác, tặng con gái đầu lòng đúng vào ngày giỗ thứ tư bên mộ Léopoldine tại Villequier sát bờ sông Seine và sự mất mát lớn lao này đã làm Hugo đau khổ suốt một thời gian dài và ông đã không in thêm tập thơ nào nữa trong mười năm sau cái chết của Léopoldine.

“Ngày mai, ngày lúc rạng đông, khi vùng quê bừng sáng,
Cha sẽ lên đường. Con ơi, cha biết con nóng lòng chờ đợi.
Cha sẽ đi qua rừng, cha sẽ đi qua núi.
Cha không thể nào lâu hơn nữa ở xa con.

Cha sẽ bước đi, mắt chìm sâu trong suy nghĩ,
Không nhìn quanh, chẳng nghe động tĩnh chi,
Cô đơn, lạc lõng, lưng khòm, tay chấp,
Lòng sầu đau, với cha ngày sẽ tối như đêm.
Cha sẽ không ngắm ánh chiều vàng rơi xuống,
Cũng như cánh buồm xa thẳm hướng Harfleur,
Và khi tới, cha sẽ đặt cho con trên mộ
Chùm ô rô xanh lá và thạch thảo trở hoa”.

(Bản dịch của Đàm Trung Pháp)

Với tôi, nếu ngày nào đó chẳng may chị Yến ra đi và anh không còn viết được, có lẽ anh trở thành cái cây ma, phải không bạn ta? Rồi ngày nào đó, anh bỏ lại người thân, bằng hữu... thành thời nơi phương trời xa lạ, Di Sản Văn Chương Miền Nam đã bao năm xây dựng, có lẽ cũng theo anh “Những người muôn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ?” (Vũ Đình Liên).

Vương Trùng Dương
Little Saigon, April 2018

Nguồn: <https://vulep-books-links.blogspot.com/2018/05/tran-hoai-thu-viet-duoi-troi-khoi-lua-40.html>

www.vietnamvanhien.org

